TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-6-2018
V/v "ly hôn tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Bà Lương Thị Hồng Thắm;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2018 về việc "*ly hôn, tranh chấp nuoi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị X, sinh năm 1975, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Võ Văn C, sinh năm 1970, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/4/2018 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Võ Văn C là vợ chồng, sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông C không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Ông C chửi mắn, ghen tuông vô cớ, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông C vẫn không thay đổi tính tình. Bà và ông C đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Võ Văn C.

Con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Võ Thị Như N, sinh ngày 25/7/2006 và Võ Thị Thanh T, sinh ngày 30/7/2013, hiện nay các con đang sống với bà nếu như ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị X trình bày, tài sản chung bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn C trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà Lê Thị X về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà X trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với những chuyện nhỏ trong gia đình, ông không có ghen tuông, bà X thường hay bỏ nhà đi được ít ngày thì trở về nhà, có lần ông phải đi rước bà về nhà, giữa ông và bà X không có ly thân hiện nay vẫn còn sống chung nhà.

Nay bà Xiên yêu cầu xin ly hôn ông không đồng ý, xin hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con chung.

Con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 25/7/2006 và Võ Thị Thanh T, sinh ngày 30/7/2013. Nếu như ly hôn ông đồng ý để các con cho bà X tiếp tục nuôi đưỡng ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Lê Thị X yêu cầu xin được ly hôn với ông Võ Văn C, xét thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thẩm quyền căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông C cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/4/2009 (số 58/2009, quyển số 01/2009) nên quan hệ hôn nhân của bà X và ông C được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3] Bà X cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông C không quan tâm chăm sóc vợ con nên mới ly hôn, đối với ông C thừa nhận giữa ông và bà X có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ và ông không đồng ý ly hôn với bà X. Xét thấy về mâu thuẫn tình cảm của bà X và ông C, ông C cũng thừa nhận giữa ông và bà X có mâu thuẫn ngoài ra bà X cho rằng giữa bà và ông C đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, đối với ông C, ông không thừa nhận việc ly thân giữa ông và bà X, ông cho rằng ông và bà X hiện tại đang sống chung nhà vẫn sinh hoạt vợ chồng bình thường, lời trình bày của các bên về thời gian ly thân chưa được phù hợp nhau nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh là bà X và ông C ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Hiện nay ông bà đang sống chung nhà.

Nhưng theo hồ sơ vụ án cũng như sự thừa nhận của ông C trước Tòa, vào năm 2017 bà X đã có đơn xin ly hôn với ông C một lần vụ án đã được Tòa án thụ lý giải quyết, sau đó bà X cho ông C cơ hội để sữa sai bà X rút đơn, nay bà X lại tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông C.

Xét thấy, qua hai lần bà X ly hôn với ông C. Điều này, chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà X đối với ông Võ Văn C.

Đối với ông C, ông xin được đoàn tụ không muốn ly hôn nhưng ông C không đưa ra biện pháp đoàn tụ cùng với bà X để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù bà X đã cho ông rất nhiều cơ hội cũng như tại tòa ông C không một lời xin lỗi bà X để được bà X chấp nhận bỏ qua mâu thuẫn giữa bà và ông C. Mặt khác, tại tòa bà X vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông C. Nên

việc yêu cầu đoàn tụ của ông C chưa đủ để thiết phục nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận theo yêu cầu xin được đoàn tụ của ông Võ Văn C.

[4] Về quyền nuôi con chung: Nếu như ly hôn ông C cũng chấp nhận để cháu Võ Thị Như N, sinh ngày 25/7/2006 và cháu Võ Thị Thanh T, sinh ngày 30/7/2013 cho bà X nuôi dưỡng và ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, điều này cũng đồng nghĩa với việc yêu cầu của bà X được tiếp tục nuôi các con sau khi ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của cháu N và Cháu T tại biên bản tự khai của các cháu. Nên sau khi ly hôn bà X được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu N và cháu T, ông C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Tài sản chung: Bà X và ông C thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với nợ chung: Bà X và ông C xác định ông bà không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp sau này nếu các bên không thỏa thuận được về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Võ Văn C.

Về quyền nuôi con chung: Bà Lê Thị X được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Như N, sinh ngày 25/7/2006 và Võ Thị Thanh T, sinh ngày 30/7/2013. Ông Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002726 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THADS huyện
-Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Lộc Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài